

# Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nho sĩ Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX

Trần Thị Hạnh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Luận án TS. Ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Mã số: 62 22 80 05

Người hướng dẫn: GS.TS. Lê Văn Quán, PGS.TS. Đỗ Thị Hòa Hới

Năm bảo vệ: 2011

**Abstract.** Phân tích những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội khách quan và các tiền đề tư tưởng tạo ra sự chuyển biến tư tưởng của các nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX. Làm sáng tỏ nội dung tư tưởng duy tân của các nho sĩ trong một số lĩnh vực: chính trị, xã hội, đạo đức, giáo dục. Phân tích những tác động của quá trình chuyển biến tư tưởng đối với chuyển biến trong hoạt động thực tiễn của nho sĩ. Nhận định, đánh giá những kết quả, hạn chế của quá trình chuyển biến tư tưởng của các nho sĩ đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam và xã hội Việt Nam trong giai đoạn 30 năm đầu thế kỷ XX.

**Keywords.** Triết học; Nho sĩ; Tư tưởng Việt Nam; Duy Tân hội; Phong trào Đông du

## Content

### Phần Mở đầu

#### 1. Lý do chọn đề tài

Tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX phát triển phong phú sinh động nhưng cũng nhiều biến động. Những vấn đề lý luận và thực tiễn lớn về giữ gìn các giá trị truyền thống và tiếp thu các giá trị mới được du nhập; kết hợp giữa các tư tưởng triết học phương Đông và phương Tây đều hướng vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn đặt ra trong lịch sử cũng như đương đại. Lịch sử đã minh chứng, trong thời kỳ khủng hoảng tư tưởng, lực lượng nòng cốt của công cuộc tiếp thu, đổi mới tư tưởng và xã hội đầu thế kỷ XX là đội ngũ trí thức, đi tiên phong là các nho sĩ duy tân yêu nước. Quá trình chuyển biến, đổi mới tư tưởng của đội ngũ nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX diễn ra trong những bối cảnh những biến chuyển của lịch sử xã hội Việt Nam và thế giới và của chính bản thân họ với tư cách người trí thức luôn tự nhiệm với dân tộc. Nó thể hiện logic phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu lịch sử xã hội. Quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ trong giai đoạn này có vai trò như là dấu gạch nối cần thiết

cho sự truyền bá và phát triển của tư tưởng cách mạng vào Việt Nam giai đoạn sau. Lịch sử tư tưởng dân tộc rất phong phú và sâu sắc nhưng cho đến nay, việc biên soạn đầy đủ bộ *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* vẫn còn là công việc cần được tiếp tục. Do vậy, việc nghiên cứu quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ Việt Nam, đặc biệt là tư tưởng duy tân của họ trong 30 năm đầu thế kỷ XX, theo chúng tôi, vừa là đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản, vừa góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Nghiên cứu về đội ngũ, về tư tưởng và sự chuyển biến tư tưởng của nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX đã có một số loại hình công trình nghiên cứu và một số vấn đề chủ yếu đã được nghiên cứu:

*Loại công trình nghiên cứu thứ nhất:* nội dung có một số luận điểm có tính cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành. Một số công trình chủ yếu: “Lịch sử tư tưởng Việt Nam” tập thể tác giả Nguyễn Tài Thư, Lê Sĩ Thắng. Trần Văn Giàu: “Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám” 3 tập; “Tư tưởng triết học Việt Nam trong bối cảnh du nhập các tư tưởng Đông – Tây nửa đầu thế kỷ XX” tập hợp các bài tại hội thảo quốc tế do trường ĐHKHXH và Nhân văn Hà Nội tổ chức năm 2005. Doãn Chính, Trương Văn Chung (đồng chủ biên): “Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”; “Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” do Đinh Xuân Lâm chủ biên... Chúng tôi nhận thấy, giới nghiên cứu triết học đã chú ý nghiên cứu hơn đến bước chuyển biến tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, phân tích mối quan hệ biện chứng của tồn tại xã hội Việt Nam với quá trình chuyển biến tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX thì chưa rõ. Hơn nữa, hệ thống những nội dung tư tưởng của tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng chưa được đề cập trong những công trình này.

*Loại công trình nghiên cứu thứ hai* bao gồm các công trình đã xuất bản về tư tưởng Nho giáo, nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX. Phan Đại Doãn chủ biên “Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam”; Chương Thâu viết cuốn sách “Góp phần tìm hiểu Nho giáo, nho sĩ, trí thức Việt Nam trước năm 1945”... Có thể nhận thấy, các tác giả đã khái quát nên bức tranh tổng thể về cuộc khủng hoảng tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX và vai trò của nho sĩ duy tân yêu nước trong việc giải quyết bước đầu cuộc khủng hoảng đó. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập một cách có hệ thống, sâu sắc và toàn diện về những nguyên nhân của khủng hoảng tư tưởng, cũng như những tiền đề, nội dung cụ thể của chuyển biến tư tưởng, động lực và kết quả của chuyển biến tư tưởng.

*Loại công trình nghiên cứu thứ ba* nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của các nho sĩ duy tân yêu nước đầu thế kỷ XX. Điểm mạnh của nhóm công trình nghiên cứu này là tính chất văn bản, tư liệu của nó, nhưng chúng lại thiếu tính hệ thống và đặc biệt không có sự phân tích theo nội dung các tư tưởng như: tư tưởng nhân sinh, tư tưởng chính trị, tư tưởng về giáo dục, tư tưởng về bản thể... Loại công trình nghiên cứu này có hai nhóm. Nhóm thứ nhất là các tổng tập, tuyển tập thơ văn của các nho sĩ duy tân yêu nước đầu thế kỷ XX: “Tổng tập văn học Việt Nam”, tập 21, nhà xuất bản Khoa học xã hội. Viện Viễn Đông Bác cổ “Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục”, “Thơ văn yêu nước và cách mạng : Đầu thế kỷ XX (1900-1930) “Văn học Việt Nam (1900-1945)”. Công trình của các nho sĩ đầu thế kỷ XX đã được tập hợp, xuất bản thành các toàn tập, tuyển tập: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hữu Cầu, Đào Nguyên Phổ.

Nhóm thứ hai, là các công trình viết về các hoạt động, các phong trào đấu tranh yêu nước của các nho sĩ đầu thế kỷ XX, từ đó họ lấy ra các nội dung tư tưởng. Nguyễn Q. Thắng “Phong trào duy tân các khuôn mặt tiêu biểu”, “Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn”, “Phan Chu Trinh cuộc đời và tác phẩm”. Chương Thâu “Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX, Vũ Dương Ninh chủ biên cuốn “Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX”. Đồng thời ở cả ba loại hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, chúng tôi cũng đã khảo cứu các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học, các bài viết đăng trên Tạp chí Triết học, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Tạp chí Xưa và Nay... của các tác giả chuyên nghiên cứu về lịch sử và lịch sử tư tưởng Việt Nam như: Trần Văn Giàu, Phan Ngọc, Trần Đình Hượu, Nguyễn Tài Thư, Lê Sĩ Thắng, Phan Đại Doãn, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Đinh Xuân Lâm, Lê Văn Quán, Chương Thâu, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Đức Sự, Trần Ngọc Vương, Đỗ Thị Hòa Hới, Nguyễn Văn Hòa, Lê Thị Lan, Lê Ngọc Thông, Võ Thị Dung, Nguyễn Thị Quỳnh... Trong mỗi công trình, bài viết, các tác giả đề cập, phân tích một hoặc một vài nội dung tư tưởng của một nhà nho duy tân yêu nước đầu thế kỷ XX hoặc một vài đặc điểm chung của tư tưởng Việt nam đầu thế kỷ XX.

Như vậy, điểm các công trình cơ bản của giới nghiên cứu văn học, sử học, triết học, cho thấy, việc nghiên cứu quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX dưới góc độ của triết học, cụ thể là của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam chưa trở thành đối tượng nghiên cứu trực tiếp, cụ thể của một công trình nào. Và đây cũng là lý do nữa khiến chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài này trong luận án.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình chuyển biến, đổi mới tư tưởng của nho sĩ Việt Nam trong giai đoạn 30 năm đầu thế kỷ XX.

- Phạm vi nghiên cứu của luận án: Luận án chủ yếu đi sâu nghiên cứu nội dung những quan niệm của các nho sĩ Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, xã hội, giáo dục, đạo đức thông qua các trước tác và sự nghiệp của họ trong các phong trào đấu tranh yêu nước, giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX, trước khi có sự ra đời các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo đường lối cách mạng vô sản ở Việt Nam.

### **4. Mục đích, nhiệm vụ**

Mục đích: Từ góc độ tiếp cận triết học, luận án phân tích làm rõ quá trình chuyển biến, đổi mới tư tưởng của các nho sĩ Việt Nam trong giai đoạn lịch sử 30 năm đầu thế kỷ XX, từ đó rút ra nhận xét về những kết quả, giá trị và hạn chế của quá trình này đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Nhiệm vụ:

- Phân tích những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội khách quan và các tiền đề tư tưởng tạo ra sự chuyển biến tư tưởng của các nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX.

- Làm sáng tỏ nội dung tư tưởng duy tân của các nho sĩ trong một số lĩnh vực: chính trị, xã hội, đạo đức, giáo dục.

- Phân tích những tác động của quá trình chuyển biến tư tưởng đối với chuyển biến trong hoạt động thực tiễn của nho sĩ.

- Nhận định, đánh giá những kết quả, hạn chế của quá trình chuyển biến tư tưởng của các nho sĩ đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam và xã hội Việt Nam trong giai đoạn 30 năm đầu thế kỷ XX.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa xã hội và con người, về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Luận án đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; các phương pháp nghiên cứu: thống nhất logic và lịch sử; thống nhất quy nạp và diễn dịch, thống nhất phân tích và tổng hợp...

## **6. Đóng góp mới của luận án**

- Luận án phân tích chi tiết bước chuyển lịch sử và lôgic từ sự nhận thức và phê phán xác đáng của nho sĩ đối với các tư tưởng chính trị - xã hội đã lỗi thời của Nho giáo, với các hủ tục, tệ nạn áp bức bóc lột dã man của chế độ thực dân, thuộc địa áp đặt cho nhân dân Việt Nam sang việc tiếp thu và đề xuất những nội dung tư tưởng chính trị, xã hội, giáo dục, đạo đức cơ bản theo hướng kết hợp các giá trị dân chủ Đông - Tây nhằm giải quyết các vấn đề cốt lõi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

- Luận án chỉ ra sự phân hoá trong đời mới hoạt động thực tiễn của các nho sĩ theo hai phương thức: bạo động hoặc bất bạo động; tuy khác nhau về chủ trương và các bước đi cụ thể, nhưng dù theo phương thức nào thì mục đích mà các nho sĩ muốn đạt tới luôn thống nhất là cải tạo mọi mặt đời sống xã hội theo hướng tiến bộ, văn minh, mang lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mọi người dân nước Việt.

- Luận án khẳng định, những chuyển biến trong cuộc đời và hoạt động của nho sĩ đầu thế kỷ XX có tác dụng thúc tỉnh dân tộc Việt Nam tiến tới trình độ tiên tiến toàn cầu, là những tấm gương sinh động về sống có lý tưởng, có ước mơ, có mục đích cao cả, có trách nhiệm, có dũng khí để cống hiến cho đất nước.

- Luận án góp phần làm sáng rõ biện chứng quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam ở giai đoạn đầu thế kỷ XX thông qua đại diện là lớp trí thức nho sĩ tiêu biểu.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp thêm phần vào việc nghiên cứu tư duy lý luận chính trị xã hội ở Việt Nam ở một giai đoạn lịch sử quan trọng. Luận án có thể được dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho những ai đang hoạt động trong các lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn.

## **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài các phần: Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, phần Nội dung của luận án gồm 3 chương 8 tiết.

### **Chương 1**

## **ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CHO SỰ CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG CỦA NHO SĨ VIỆT NAM TRONG 30 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX**

### **1.1. Điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội đầu thế kỷ XX**

#### *1.1.1. Thế giới đầu thế kỷ XX*

Sự xâm lược của đế quốc phương Tây cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã phá xã hội cổ truyền phương Đông nhưng đồng thời nó cũng dần tạo ra thay đổi chung vừa có những thay đổi mang tính đặc thù ở các quốc gia. Nhật Bản bắt đầu duy tân một cách đồng bộ và thực chất phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trung Quốc từ một nước phong kiến quân chủ tập quyền chuyên chế trở thành nửa thuộc địa, phụ thuộc vào tư bản phương Tây. Cách mạng Tân Hợi (1911) thành công, Trung Hoa dân quốc được thành lập, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mới của xã hội Trung Quốc. Sau thất bại của những cuộc khởi nghĩa

dưới ngọn cờ phong kiến, tầng lớp trí thức cấp tiến ở các nước Đông Nam Á đã hướng cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường dân chủ tư sản. Biến chuyển lớn nhất của thế giới đầu thế kỷ XX là Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, đã soi sáng cho cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của các dân tộc và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

### *1.1.2. Chuyển biến chính trị - kinh tế - xã hội Việt Nam*

Thực dân Pháp tìm cách gạt bỏ vai trò của triều đình phong kiến trong công việc quốc gia. Nền kinh tế Việt Nam dần dần chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu thời phong kiến sang nền kinh tế thuộc địa- tư bản chủ nghĩa, có bước phát triển nhanh chóng nhưng cũng tạo ra một cơ cấu kinh tế mất cân đối dẫn đến sự phân hoá thiếu triệt để của cơ cấu giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Kết cấu xã hội truyền thống theo tứ dân: sĩ, nông, công, thương bị xóa bỏ, thay vào đó là các quan hệ, mâu thuẫn giai cấp, dân tộc đan xen và trở nên rất phức tạp. Thực dân Pháp chủ trương nhanh chóng xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục Nho học, mở rộng hệ thống giáo dục Pháp - Việt nhưng có sự phân biệt lớn giữa người Pháp và người bản xứ, tình trạng thất học vẫn là phổ biến. Các trào lưu tư tưởng mới, các thành tựu khoa học và kỹ thuật, văn hoá và nghệ thuật phương Tây vào Việt Nam, thúc đẩy và tăng cường mối quan hệ tiếp xúc giữa hai nền văn hoá Á - Âu, Đông- Tây.

## **1.2. Tiền đề cho sự chuyển biến tư tưởng của nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX**

### *1.2.1. Khủng hoảng của Nho giáo ở Trung Quốc và Việt Nam*

Đầu thế kỷ XX, tại Trung Quốc, Nho giáo chuyển từ địa vị ý thức hệ của giai cấp thống trị sang địa vị giá trị trong tư tưởng truyền thống xã hội. Sự khủng hoảng và suy yếu của Nho học, sự phân hóa của giới nho sĩ Trung Quốc tác động khá mạnh mẽ và sâu sắc tới ý thức hệ Việt Nam, tới tư tưởng của giới nho sĩ Việt Nam.

Sự phát triển của chế độ phong kiến tập quyền đã đưa Nho giáo lên địa vị độc tôn, thống trị xã hội Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX. Tầng lớp trí thức dù xuất thân từ quý tộc, địa chủ hay nông dân đều là sản phẩm của nền giáo dục Nho giáo, gọi là nho sĩ. Thực trạng xã hội Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX đã gây nên cuộc khủng hoảng về ý thức hệ và sự phân hóa đội ngũ nho sĩ ngày càng rõ rệt. Trước hết là sự hình thành những trí thức yêu nước, quyết định ly khai triều đình nhà Nguyễn, phản đối chủ trương cầu hòa của triều đình. Trong cuộc đấu tranh không cân sức này, nho sĩ nhiệt huyết yêu nước thương dân nhưng bị thất bại do hạn chế về nhiều mặt, trong đó chủ yếu là hệ tư tưởng phong kiến vẫn chi đạo hoạt động của họ. Logic của lịch sử và tư tưởng thôi thúc các sĩ phu yêu nước của thế hệ tiếp theo tìm hệ tư tưởng mới, chủ trương mới, con đường mới giải phóng dân tộc. Họ là những nho sĩ có những tư tưởng duy tân đầu thế kỷ XX, là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của luận án.

### *1.2.2. Tư tưởng cải cách, duy tân của Nhật Bản, Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

Tư tưởng cải cách duy tân Nhật Bản xuất phát điểm và phát triển từ nhiều nguồn khác nhau, theo các phương thức khác nhau nhưng có chung chí hướng xây dựng một xã hội mới trên nền tảng luật pháp, quyền tự do của nhân dân cũng được tôn trọng. Tư tưởng duy tân Nhật Bản để lại dấu ấn rất mạnh trong tư tưởng các chí sĩ Việt Nam và tạo sự chuyển biến trong tư tưởng và hành động cứu nước, cứu dân.

Đi đầu trong phong trào duy tân giai đoạn này ở Trung Quốc là những nhà chính trị tư tưởng lỗi lạc: Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Nghiêm Phục, Đàm Tự Đồng, Hoàng Tôn Hiến... Đại diện cho các nhà tư tưởng trong phái cách mạng ở Trung Quốc đầu thế kỷ XX là

Tôn Trung Sơn. Ông đề ra cương lĩnh chính trị “Tam dân chủ nghĩa”. Tư tưởng Tôn Trung Sơn là một trong những nguồn gốc, tiền đề lý luận quan trọng trong tư tưởng các nhà duy tân, cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

### **1.3. Nhân tố chủ quan tích cực của các nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX**

#### *1.3.1. Tích cực phát huy tinh thần của chủ nghĩa yêu nước truyền thống*

Nho sĩ đầu thế kỷ XX đội ngũ khá đông đảo, những nhân vật tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Hoàng Tăng Bí, Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm... Họ đã thoát ly khỏi địa vị và nhân cách kẻ sĩ truyền thống, thoát khỏi khoa cử Nho giáo hoặc thi đỗ nhưng tự thoát khỏi hệ thống quan liêu phong kiến để bảo tồn vị trí và vai trò của kẻ sĩ thực thụ trong xã hội, tiếp thu và phát triển chủ nghĩa yêu nước trong điều kiện lịch sử mới nhằm đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng nước Việt Nam mới.

#### *1.3.2. Tiếp thu tư tưởng canh tân, duy tân trong và ngoài nước*

Chúng tôi cho rằng ý nghĩa phương pháp luận quan trọng nhất mà các nho sĩ duy tân tiếp thu được từ các nho sĩ cuối thế kỷ XIX như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch là phương pháp nhận định, đánh giá tình hình thực tế trong và ngoài nước.

Từ tân thư, tân văn, nho sĩ đầu thế kỷ XX có những gợi mở về sự lớn mạnh của phương Tây, về những kinh nghiệm trong sự thất bại của Trung Quốc, thành công của Nhật Bản. Họ nhận thức rõ ràng là, để cứu nước, Việt Nam cần học theo con đường mà phương Tây đã đi qua, từng lĩnh vực, dần dần để đến được xã hội dân chủ, công nghiệp, hiện đại. Những tư tưởng dân chủ, dân quyền trong các tác phẩm của Mông tes kiơ, Rút xô qua bản dịch của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đã hình thành trong tư tưởng nho sĩ một hệ thống khái niệm mới. Như vậy, bên cạnh các tác động khách quan, bản thân các nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng đã phải tự thân vận động, thâm nhập vào thực tế để có thể “ tự phủ định”, vượt qua những hạn chế về ý thức hệ và đường lối của lớp người đi trước, xác lập đường lối cứu nước mới trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc từ tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

### **Kết luận chương 1**

Dưới tác động của tồn tại xã hội và sự vận động của các hình thái ý thức xã hội đã hình thành và phát triển quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ trong cuộc đấu tranh khá quyết liệt giữa hai luồng tư tưởng mới và cũ, giữa ý thức hệ phong kiến và ý thức hệ mới mang khuynh hướng dân chủ phương Tây.

## **Chương 2**

### **DUY TÂN TƯ TƯỞNG THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ CỦA CÁC NHO SĨ**

#### **2.1. Sự phê phán của các nho sĩ đối với thực trạng xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX**

##### *2.1.1. Phê phán sự lỗi thời của Nho giáo*

Trước tiên, từ góc độ thực tiễn, nho sĩ phê phán Nho giáo một cách khá toàn diện, thẳng thắn, chỉ ra những lạc hậu, bảo thủ trong từng phạm trù của Nho giáo nhằm chỉ ra nguyên nhân sâu sa của sự thất bại của Nho giáo trước sự xuất hiện của tư tưởng phương Tây. Họ không đánh đổ hoàn toàn hệ thống tư tưởng của Nho giáo. Các tư tưởng bị phê phán mạnh mẽ nhất: tư tưởng thiên mệnh, tư tưởng trọng vương khinh bá, nội hạ ngoại di, tư tưởng trọng quan khinh dân, trọng sĩ khinh thương, tư tưởng coi xưa hơn nay... Từ đây, họ sẽ đưa ra

các quan niệm về văn minh, về tiến hóa xã hội, làm cơ sở cho tư tưởng duy tân về chính trị và xã hội.

### *2.1.2. Phê phán xã hội phong kiến, thuộc địa*

Nho sĩ đặt tư tưởng ái quốc lên trên hết, nên trước tiên họ đã vượt lên sự tố cáo để trở thành tuyên chiến với chế độ phong kiến phản động, yêu cầu nhà vua thoái vị, kết thúc chính thể quân chủ, thành lập chính thể dân chủ. Họ thẳng thắn nhận định dân khí suy giảm dẫn đến bảo thủ, u mê, nhu nhược. Nho sĩ kịch liệt lên án, tố cáo tội ác của Pháp, vạch trần các thủ đoạn diệt chủng bằng cách lợi dụng tôn giáo; bằng giáo dục, bằng kinh tế, bằng chính trị. Nho sĩ là sản phẩm trực tiếp của hệ thống giáo dục phong kiến Nho giáo nhưng họ tuyên chiến với nền giáo dục khoa cử giáo điều, thiếu thực dụng của Nho giáo một cách trực diện. Đối với giáo dục thuộc địa, họ hiểu rõ sự phân biệt giữa người Pháp và người Việt và thực chất người dân Việt Nam không được hưởng lợi gì từ giáo dục thuộc địa.

## **2.2. Duy tân tư tưởng của các nho sĩ về chính trị, xã hội, giáo dục, đạo đức**

### *2.2.1. Duy tân tư tưởng chính trị*

#### *2.2.1.1. Hình thành tư tưởng chính trị theo chủ thuyết dân chủ phương Tây*

Thời kỳ đầu duy tân, nho sĩ đã hình thành ý thức về việc thành lập chính thể quân chủ lập hiến theo hình mẫu Nhật Bản là tiến bộ, là cần thiết. Từ sau năm 1907 họ tiếp cận với tư tưởng nhà nước dân chủ tư sản, đến với tư tưởng cách mạng theo kiểu phương Tây hoặc theo tư tưởng dân chủ của Tôn Trung Sơn. Một số nho sĩ còn tiến đến tiếp thu tư tưởng về nhà nước dân chủ nhân dân.

#### *2.2.1.2. Một số nội dung trong tư tưởng chính trị*

Nho sĩ tiếp thu tư tưởng quốc gia thống nhất, dân tộc tự quyết, quốc gia tồn tại và phát triển dựa căn bản vào luật pháp hiện đại. Quan điểm chung, khá phổ biến trong tư tưởng của họ về mô hình chính thể là xóa bỏ chính thể quân chủ, xây dựng chính thể dân chủ cộng hòa gồm có ba viện, do nhân dân làm chủ, quyền lực ở nơi dân và được thực hiện thông qua các đại biểu, mọi việc do dân định liệu, xã hội được quản lý bằng pháp luật. Hiến pháp phải gắn liền với chủ quyền quốc gia, với độc lập dân tộc. Nho sĩ đề xuất hai phương pháp cơ bản tiến hành duy tân chính trị: bạo động và ôn hòa. Họ đặc biệt đề cao vị trí và vai trò của nhân dân. Tư tưởng dân là chủ nước, nước là của dân, là một bước chuyển tư tưởng căn bản từ quân chủ sang dân chủ.

### *2.2.2. Duy tân tư tưởng về xã hội*

#### *2.2.2.1. Hình thành mô hình xã hội mới dân chủ, tự do, bình đẳng*

Nho sĩ đã từ bỏ việc nhận thức xã hội theo tứ dân để chuyển sang nhận thức xã hội theo các tầng lớp, giai cấp dựa vào quan hệ đối với kinh tế và vai trò với xã hội. Họ đã hình thành trong tư tưởng về diện mạo và đặc trưng của một xã hội mới, xã hội dân chủ và bình đẳng, nhưng cách thể hiện thì giữa họ có những điểm khác biệt nhất định. Biện pháp hữu hiệu nhất để thực hiện được giải phóng dân tộc, tiến tới xây dựng xã hội bình đẳng là: chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh; chủ trương này như là đã được thống nhất một cách tự giác trong tư tưởng của các nho sĩ.

#### *2.2.2.2. Tư tưởng Chấn dân khí*

Chấn dân khí là làm cho mọi người thức tỉnh tinh thần dân tộc, khuyến khích ý thức tự lực, tự cường, giác ngộ được quyền lợi của mình, giải phóng khỏi sự kìm kẹp của chế độ quân chủ chuyên chế và đàn áp thực dân. Chấn dân khí trước tiên là dấy lên tinh thần đoàn kết truyền thống của dân tộc. Nho sĩ chủ trương chấn dân khí đối với từng đối tượng như: trí

thức, nông dân, thương nhân, phụ nữ, thanh niên... Chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, tự hào văn hiến và tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm đã trở thành những yếu tố quan trọng trong nội dung tư tưởng và hành động chấn dân khí của nho sĩ.

#### 2.2.2.3. Tư tưởng Hậu dân sinh

Nho sĩ quan niệm rằng, hậu dân sinh tức là phải làm cho cuộc sống của nhân dân ngày càng đầy đủ, tiến tới văn minh. Hậu dân sinh trước hết là làm cho mọi người biết phát triển kinh tế, mở mang ngành nghề, làm cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Dân sinh được phát triển là điều kiện thuận lợi để nâng cao dân trí, chấn dân khí. Đối với nho sĩ đầu thế kỷ XX, tư tưởng kinh tế đã hình thành và phát triển với nhiều nội dung phong phú. Trước hết, họ hình thành quan niệm về tài sản, đã thể hiện trong chừng mực nào đó ý thức về vấn đề sở hữu, một vấn đề đặc biệt quan trọng trong xã hội hiện đại. Họ trực tiếp bàn đến vấn đề sản xuất, thương nghiệp, khẳng định vai trò của thương nhân. Trong tư tưởng và chính sách phát triển kinh tế do các nho sĩ đề xướng, phát triển kinh tế tư bản dân tộc là trụ cột.

#### 2.2.2.4. Tư tưởng Khai dân trí

Khai dân trí là mở mang hiểu biết, trí tuệ cho dân, việc học là của toàn dân, không phân biệt. Tư tưởng về khai dân trí thực sự làm cho dân tộc thay đổi nếp suy tư cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp với sự phát triển của thời đại. Dân trí không chỉ là học thức mà còn là tri thức cuộc sống. Nho sĩ chủ trương duy tân cả văn hóa đời sống cho nhân dân từ đó tạo những quan hệ xã hội lành mạnh, văn minh. Chúng tôi nhận thấy, song song với những tư tưởng duy tân theo khuynh hướng dân chủ, văn minh phương Tây, nho sĩ đầu thế kỷ XX luôn có tư tưởng bảo tồn các giá trị của xã hội phương Đông và Việt Nam, phê phán những tệ nạn trong xã hội phương Tây để cảnh báo người Việt Nam không nên quá Tây hóa, lai căng văn hóa, xã hội

### 2.2.3. Duy tân tư tưởng giáo dục

#### 2.2.3.1. Tư tưởng về vai trò của giáo dục

Duy tân về giáo dục là vấn đề cơ bản và quan trọng, giữ vị trí bậc nhất trong công cuộc duy tân của các nho sĩ. Đối với họ, giáo dục là khuôn đúc con người, là sinh mệnh của dân, còn dân là sinh mệnh của nước; sự tồn vong và hưng thịnh của đất nước một phần phụ thuộc vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài.

#### 2.2.3.2. Tư tưởng về mục đích giáo dục

Theo các nhà nho, suy đến cùng, mục đích tối cao của việc học là học để làm người. Đối tượng của giáo dục là số đông dân chúng để họ có thể trở thành người công dân tốt của xã hội, xã hội mới có thể tiến dần tới văn minh. Giáo dục phải tạo con người mới, nâng cao dân trí phải xóa bỏ tính ỷ lại, cách suy nghĩ theo lối tầm chương, trích cú cũng như cách học theo “đạo nghĩa suông”; tạo cho con người có “não chất độc lập”, dám nghĩ, dám làm, tự tin ở chính mình, phát huy ý chí tự lập, tự cường, tài năng, thông minh và sáng tạo của con người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc.

#### 2.2.3.3. Tư tưởng về đối tượng của giáo dục

Nho sĩ tuyên truyền cho tư tưởng dân chủ, bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, giới, đẳng cấp trong giáo dục. Giáo dục mới còn phải có nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng đối với những người chịu thiệt thòi trong xã hội như: người mù, người câm điếc, người tàn tật, trẻ nghèo khó, trẻ mồ côi, người đã từng mắc tội bị tù đầy...Giáo dục thực nghiệp sẽ giúp cho họ không bị thất nghiệp, được xã hội giúp đỡ, cứu mang, được hưởng thái bình hạnh phúc.

#### 2.2.3.4. Tư tưởng về mô hình, phương thức giáo dục



Các nho sĩ tiếp thu tư tưởng phương Tây trong tổ chức trường học. Họ đã hình dung ra hệ thống các bậc học, các loại hình trường lớp phục vụ nền giáo dục quốc dân như: các ấu trĩ viện, dực anh viện, các trường tiểu học, trung học, đại học khắp thành thị, thôn quê chỗ nào cũng có. Điểm đổi mới đặc sắc trong tư tưởng về giáo dục của nho sĩ là coi giáo dục là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân, từ đó sử dụng nhiều phương thức phong phú, sinh động khác nhau để đạt mục đích giáo dục. Học thực dụng đã trở thành phương châm chủ đạo trong tư tưởng duy tân về giáo dục.

#### 2.2.3.5. Tư tưởng về nội dung giáo dục

Nội dung cơ bản nhất của giáo dục là tri thức mới. Nội dung giáo dục phong phú, thực tế, học thực nghiệp. Học nghề, học ngoại ngữ, học khoa học thường thức, học luân lý đạo đức là một nhiệm vụ quan trọng của nền giáo dục duy tân. Các nhà nho khuyến khích tinh thần tin ở khoa học, tin vào việc làm của con người. Điểm khác biệt trong tư tưởng duy tân của nho sĩ so với trí thức Tây học ở chỗ họ tỏ ra hết sức khách quan và công bằng trong việc đánh giá về nền tân học và cựu học. Họ cho rằng, trong quá trình dân tộc ta học tập tri thức của thiên hạ, phải biết chắt lọc tinh hoa của nhân loại để áp dụng vào cuộc sống, tăng cường sức mạnh dân tộc đồng thời phải khôn ngoan, tỉnh táo để nó không chi phối tư tưởng ta hoàn toàn, ta không trở thành “nô lệ tư tưởng”. Điều này còn nguyên giá trị đối với chúng ta ngày nay.

#### 2.2.4. Duy tân tư tưởng đạo đức

Trên nền tảng đạo đức truyền thống, tiếp thu các yếu tố tích cực, tiến bộ của thời đại, nho sĩ đã phát triển hệ thống quan niệm đạo đức, lễ sống lên một trình độ cao hơn, có nội dung tiến bộ hơn, nền đạo đức có bản chất là chủ nghĩa nhân đạo cao cả.

##### 2.2.4.1. Phương châm xây dựng luân lý, đạo đức mới

Quan điểm chung, thống nhất của nho sĩ cho rằng một trong những nguyên nhân để nước mất, nhà tan là do đánh mất nền đạo đức, luân lý. Do vậy, theo họ sửa đổi luân lý, bồi đắp đạo đức cũng là một việc chúng ta phải cố sức làm hòng tìm lại nền độc lập cho dân tộc. Họ biết rằng muốn khôi phục lại nền đạo đức của một đất nước không còn chủ quyền, độc lập như nước Việt Nam không phải là một việc dễ nhưng không thể không làm ngay. Về nguyên tắc, họ chỉ thừa nhận khoa học kỹ thuật và chính trị lập hiến của Tây phương là tốt, còn lại vẫn phải lấy tinh thần đạo đức của phương Đông làm gốc, làm nền. Trên cơ sở đó, họ chủ trương phát triển tư tưởng về luân lý, đạo đức trong điều kiện mới, kết hợp các yếu tố ngoại sinh tích cực. Về cơ bản họ vẫn sử dụng các khái niệm, phạm trù đạo đức phương Đông.

##### 2.2.4.2. Đổi mới nội dung các phạm trù đạo đức

Phạm trù nho sĩ bàn nhiều là trung, hiếu, nhân, nghĩa. Cái mới, cái chuyển biến của quan niệm trung - hiếu là phụng sự dân tộc, thực hiện trách nhiệm xã hội cao cả. Tiêu chí tối cao của nhân trong thời đại mới là yêu nước, là làm cho nước giàu mạnh. Muốn như vậy thì trước hết phải có lòng bác ái. Bác ái sẽ dẫn tới giải phóng con người. Nho sĩ đưa ra quan niệm về lý tưởng tự do cho đất nước, cho dân tộc, cho đồng bào. Quan niệm đạo đức của nho sĩ đạt tới hoàn thiện khi họ xác định lễ sống của người Việt Nam mới là: sống thức tỉnh, sống có ý chí, sống phải tự tân.

##### 2.2.4.3. Duy tân tư tưởng về đạo đức của một số đối tượng

Chúng tôi phân tích tư tưởng của nho sĩ về đạo đức trong một vài đối tượng cụ thể, những đối tượng này hầu như không được bàn đến trong hệ thống tư tưởng đạo đức Nho giáo: đạo đức tôn giáo, đạo đức của doanh nhân.

## **Kết luận chương 2:**

Nho sĩ đầu thế kỷ XX trên cơ sở tư tưởng yêu nước truyền thống, trong những điều kiện, tiền đề khá thuận lợi, đã mạnh dạn chuyển biến tư tưởng. Họ được khai sáng bởi tư tưởng dân chủ, tư tưởng duy tân, cách mạng Đông – Tây. Bước khởi đầu của sự chuyển biến tư tưởng là phê phán những bất cập của hệ tư tưởng phong kiến, đại diện là tư tưởng chính trị, xã hội, giáo dục của Nho giáo. Họ phê phán nhưng không phủ định sạch trơn Nho giáo, họ vẫn giữ lại những giá trị của Nho giáo, giá trị đã được tích hợp trong truyền thống văn hóa tư tưởng của dân tộc. Sự phê phán này mở đường cho quá trình duy tân tư tưởng của nho sĩ theo khuynh hướng dân chủ phương Tây. Nho sĩ chú trọng duy tân tư tưởng chính trị, xã hội, đạo đức, giáo dục, những vấn đề họ cho là cấp thiết đối với xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Nội hàm của các khái niệm không như nguyên gốc trong tư tưởng phương Tây nhưng lại có giá trị lý luận và thực tiễn đối với một xã hội phương Đông vốn từ chế độ phong kiến trở thành thuộc địa như Việt Nam. Chuyển biến tư tưởng của nho sĩ diễn ra trong sự kết hợp các yếu tố nội sinh, ngoại sinh, chủ quan và khách quan, theo những quy luật logic của tư duy. Kết cấu, nội dung mới của hệ tư tưởng Việt Nam trong thế kỷ XX là kết quả được tạo ra từ quá trình này. Chuyển biến về tư duy lý luận là căn cốt để từ đó hoạt động thực tiễn của nho sĩ cũng có những biến chuyển trong giai đoạn phát triển mới của dân tộc.

## **Chương 3**

### **NHO SĨ THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN NHẪM CẢI BIẾN XÃ HỘI VIỆT NAM**

#### **3.1. Phương thức hoạt động thực tiễn theo khuynh hướng bạo động**

##### *3.1.1. Tư tưởng chủ đạo của Duy tân hội và phong trào Đông du*

Trong tư tưởng của người Việt Nam thời kỳ đầu thế kỷ XX, Đông Du là chỉ dành riêng cho việc sang Nhật Bản vì Nhật Bản, Triều Tiên nằm ở phía Đông của Trung Quốc, Việt Nam. Năm 1904, Duy tân hội được thành lập. Hội viên trọng yếu của Duy tân hội: Nguyễn Hàm, Phan Bội Châu, Trình Hiền, Lê Võ, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân và một số người khác nữa. Hội được tổ chức một cách bí mật, quyết định tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động, chủ yếu có ba điểm: mở rộng lực lượng của hội; khởi phát bạo động; xác định phương châm ra nước ngoài cầu viện. Theo sự góp ý của Lương Khải Siêu, tiếp thu tư tưởng duy tân của các nhà duy tân Nhật Bản, Trung Quốc; tận mắt chứng kiến thành tựu của công cuộc Duy tân Nhật Bản, Phan Bội Châu đã chuyển hướng "cầu viện" sang "cầu học", kiến tạo nên phong trào Đông Du. Như vậy tư tưởng duy tân theo khuynh hướng "bạo động" đã chuyển sang khuynh hướng "bất bạo động", điều này thể hiện tính uyển chuyển trong tư tưởng và hoạt động của các lãnh tụ phong trào. Phong trào Đông Du được nhìn nhận là có ảnh hưởng ở cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Năm 1908, thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào Đông du, Duy tân, các chí sĩ bị tử hình, bị giam cầm, khổ sai. Duy tân hội và phong trào Đông Du là cuộc thử nghiệm đầu tiên của tư tưởng, chủ trương mới theo khuynh hướng hướng sang phía Đông, mở mang tầm nhìn, sự tiếp xúc của những luồng văn hóa vừa có tương đồng vừa có khác biệt, từ đó mở ra hướng tiếp biến tư tưởng và công cuộc duy tân của Nhật Bản và Trung Quốc, bước đầu đáp ứng đòi hỏi của lịch sử dân tộc.

##### *3.1.2. Tư tưởng chủ đạo của phong trào kháng thuế Trung kỳ năm 1908*

Phong trào kháng thuế Trung kỳ năm 1908 được coi là "một hiện tượng mới nhất", hiếm có trong lịch trình cách mạng Việt Nam đến thời điểm đó. Tầng lớp nho sĩ tuy không trực

tiếp lãnh đạo phong trào nhưng đã gián tiếp “dẫn đạo”, “châm ngòi” cho phong trào. Mục tiêu của tầng lớp sĩ phu đương thời không chỉ nhằm giảm một vài thứ thuế cho nhân dân mà sâu xa hơn là “chuẩn bị sự thức tỉnh của một phong trào dân tộc”. Vì vậy họ với vai trò là lớp trí thức đại diện cho những tư tưởng tiến bộ nhất trong xã hội lúc bấy giờ đã thể hiện được vai trò của mình trong tình thế nguy khó của đất nước. Toàn quyền Đông Dương cũng đã có những nhận định về vai trò của giới nho sĩ trong phong trào để rồi từ đó đưa ra chủ trương đàn áp phong trào, sát hại, giam cầm các nho sĩ duy tân. Điều đáng sợ nhất đối với những kẻ cai trị là ở Việt Nam đã xuất hiện một lớp người gồm phần lớn các nho sĩ trẻ, các giáo học, các phiên dịch cũ thâm nhuần tư tưởng mới, hướng theo những ý tưởng cách mạng và cải cách, rất nguy hại cho sự cai trị của chúng ở Đông Dương.

### **3.2. Phương thức hoạt động thực tiễn theo khuynh hướng bất bạo động**

#### *3.2.1. Tư tưởng chủ đạo của phong trào Duy Tân*

Tư tưởng chung chỉ đạo của phong trào Duy Tân: trực tiếp vận động duy tân với dân chúng khắp nước, không trình bày đề nghị hay dự án cải cách lên vua hay các đại quan; hoạt động công khai, bất bạo động, không cầu viện ngoại bang, không gia nhập một đảng phái hay hội kín nào; hướng về tương lai, là vận động nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, vận động dân quyền. Tư tưởng “bất bạo động, bất vọng ngoại” của các nho sĩ mang giá trị lý luận và giá trị thực tiễn lớn lao. Họ chủ trương như vậy không phải xuất phát từ lối suy nghĩ nhu nhược của một số trí thức khác sợ thực dân, đế quốc mà là kết quả của lối tư duy thông tuệ, xét đoán chính xác tình hình đất nước và tình thế bên trong, bên ngoài, tình thương yêu nhân dân, tin vào khả năng tự lực văn minh của dân tộc Việt Nam. Trên thực tế, tư tưởng “bất bạo động, bất vọng ngoại” của họ làm thực dân Pháp khiếp sợ vì nó đe dọa nền thống trị thực dân hàng ngày, hàng giờ, kéo dài, diễn ra ở khắp mọi nơi, trong tư tưởng mọi người dân Việt Nam không dễ dập tắt được. Tư tưởng duy tân của nho sĩ về chính trị, xã hội ngày càng tiến bộ, hoàn thiện trong chỉ đạo phong trào Duy Tân. Các nho sĩ đã truyền vào phong trào quần chúng cả nước ngọn lửa nhiệt tình hăm hở của người trí thức đến với những cái mới mà xã hội đang tạo ra. Như vậy, hoạt động thực tiễn tích cực của nho sĩ đã có sức cuốn hút, lan tỏa trong xã hội, tạo nên một sự thay đổi từ nội dung đến diện mạo của xã hội và đương nhiên điều đó là cái gai, là nỗi khiếp sợ của thực dân và phong kiến tay sai, chúng không từ một thủ đoạn nào để dập tắt phong trào. Phong trào có thể bị thất bại nhưng tư tưởng và giá trị thực tiễn của nó thì không bao giờ mất, còn tiếp tục được phát huy trong giai đoạn kế tiếp của lịch sử dân tộc.

#### *3.2.2. Tư tưởng chủ đạo của Đông Kinh Nghĩa Thục*

Đông Kinh Nghĩa Thục thể hiện tư tưởng đổi mới của trí thức Việt Nam trong đó bộ phận chủ yếu là nho sĩ đầu thế kỷ XX về con đường chấn hưng dân tộc tiến tới giải phóng dân tộc. Đông Kinh Nghĩa Thục chủ trương một nền giáo dục mang tính dân tộc và thời đại sâu sắc, sẽ bảo đảm tương lai tươi sáng cho đất nước. Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động công khai hợp pháp theo xu hướng cải cách với danh nghĩa là một trường học, nhưng thực tế đây là một tổ chức cách mạng hướng ứng mệnh mẫn cuộc vận động cứu nước do các nho sĩ phát động. Tháng 3 năm 1907, Đông Kinh Nghĩa Thục bắt đầu được khai giảng ở phố Hàng Đào, Hà Nội. Đội ngũ những sáng lập viên chính phần lớn là nho sĩ nổi tiếng: Hoàng Tăng Bí, Lương Văn Can, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Đại, Phan Đình Đối, Vũ Hoành, Đặng Kinh Luân, Phan Tuấn Phong, Đào Nguyên Phổ, Nguyễn Quyền, Phan Huy Thịnh, Dương Bá Trạc.

Mục tiêu chính của Đông Kinh Nghĩa Thục: bỏ tư tưởng Khổng giáo, Tống Nho, Hán Nho, du nhập những tư tưởng mới, phát triển văn hoá, thúc đẩy sử dụng chữ Quốc ngữ thông

qua các hoạt động giáo dục (dịch, viết sách giáo khoa), báo chí, tuyên truyền, cổ động; chấn hưng thực nghiệp bằng cách phát triển công thương. Có lẽ Đông Kinh Nghĩa Thục khởi phát hệ thống quan điểm và hoạt động của loại hình nhà trường “đa ngành, đa lĩnh vực” do người Việt Nam sáng lập, khởi xướng tư tưởng “học đi đôi với hành”, “đào tạo theo yêu cầu của xã hội” mà hiện đại chúng ta đang mở rộng và triển khai! Nội dung và phương pháp giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục còn thể hiện tư tưởng phê phán của nho sĩ đối với những hủ tục lạc hậu, những tệ nạn xã hội trong xã hội thuộc địa, phong kiến từ đó hướng nhân dân đến một cuộc duy tân, cách mạng xã hội. Thực dân Pháp lúc đầu còn thừa nhận tính cải cách hợp pháp của Đông Kinh Nghĩa Thục nhưng khi phát hiện ra chủ trương chính trị của Đông Kinh Nghĩa Thục thì chúng ra lệnh đóng cửa trường, thực chất là đóng cửa cái mà chúng gọi là “lò phiền loạn ở Bắc kỳ” vì đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính sách thực dân. Đông Kinh Nghĩa Thục đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước chống ngoại xâm trong quảng đại quần chúng nhân dân, thức tỉnh văn hóa của dân tộc vốn có ngàn năm văn hiến. Đó sẽ là thứ vũ khí phi vật chất vĩ đại nhất của nhân dân Việt Nam, có thể tiêu diệt mọi kẻ thù.

### *3.2.3. Tư tưởng chung của các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội mang tính chất ôn hòa sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất*

Sau chiến tranh thế giới thứ Nhất, các nho sĩ duy tân phần lớn bị tù đầy đã hy sinh, phần bị thực dân đế quốc và bọn tay sai giam lỏng, phần mất chí khí lui ở ẩn, có phần còn làm tay sai cho thực dân. Nhưng về cơ bản, các nho sĩ duy tân vẫn giữ vững chí khí, tâm nguyện tiếp tục sự nghiệp duy tân, cách mạng giải phóng dân tộc.

Đường lối “cách mạng công khai” trên cơ sở phát triển trường học, mở mang báo chí (báo Tiếng Dân), hoạt động ở nghị trường để cổ động cho tư tưởng yêu nước và tư tưởng dân quyền: đại biểu là Huỳnh Thúc Kháng. Các tác phẩm, bài báo của Phan Bội Châu viết ở thời kỳ này thực chất thể hiện tinh thần cách mạng nhưng đã chuyển hướng đấu tranh ôn hòa, coi giáo dục như là phương pháp cơ bản để làm “cách mạng văn minh”. Đôi khi, Phan Bội Châu cũng vẫn thể hiện tư tưởng đấu tranh cách mạng bằng bạo động nhưng chưa thể chuyển biến đến được tư tưởng tổng khởi nghĩa vũ trang của nhân dân giành chính quyền. Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, Phan Chu Trinh cùng với Hội người Việt Nam yêu nước ở Pháp công khai lên tiếng đấu tranh đòi quyền dân chủ, bình đẳng tối thiểu cho dân Việt Nam trên các diễn đàn chính trị, văn hóa, xã hội ở Pháp. Tuy nhiên, Phan Chu Trinh vẫn trong vòng ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản, kết hợp văn minh Đông- Tây nên trong thời đại mới không tránh khỏi mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn. Có thể nói, nhược điểm lớn nhất của “tư tưởng yêu nước ôn hòa” là chưa tìm ra được mối quan hệ khăng khít giữa bên vực quyền lợi thiết thực của người dân với nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ. Đó cũng là sự thất bại có tính tất yếu của hệ ý thức của các nhà nho yêu nước có khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX trước nhiệm vụ lịch sử của dân tộc.

## **3.3. Đóng góp và hạn chế của quá trình chuyển biến tư tưởng nho sĩ đầu thế kỷ XX đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam**

### *3.3.1. Đóng góp*

Về lý luận: quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ đầu thế kỷ XX là một tất yếu lịch sử, là một bước phát triển mới trong logic vận động phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam nói riêng và lịch sử tư tưởng phương Đông nói chung. Bắt đầu và diễn tiến của quá trình này là kết quả của mối tương tác giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, trong nước và ngoài nước, giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa và chính trị, khách quan và chủ quan. Có thể nói, đó là một kiểu phản

ứng tích cực, một kiểu ứng phó của trí thức Việt Nam trước sự lạc hậu, bảo thủ của tư tưởng phong kiến và sự thống trị, xâm lược của đế quốc phương Tây. Đồng thời, đây cũng là sự thể hiện quá trình đấu tranh tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nho sĩ đã thay đổi tương đối mạnh mẽ thế giới quan, nhân sinh quan, xã hội quan, góp phần làm thay đổi nhận thức của con người Việt Nam. Bước đầu, họ đã khắc phục được những hạn chế về mặt nhận thức chính trị, xã hội so với lớp nho sĩ cuối thế kỷ XIX, đồng thời tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc, tinh thần “tự tân”, “tự học”, “tự nhiệm” của nho sĩ Việt Nam. Họ phê phán những điểm hạn chế, bất cập của thế giới quan Nho giáo một cách có hệ thống và tương đối triệt để nhưng vẫn cố gắng nêu những giá trị tích cực của Nho giáo đối với con người và xã hội Việt Nam cần phải giữ gìn và phát huy trong thời đại hội nhập Đông - Tây. Họ đã chủ động tiếp nhận tư tưởng phương Tây thông qua Tân thư, Tân văn Trung Quốc và Nhật Bản, đã làm mới hệ thống khái niệm, phạm trù, không dập khuôn tư tưởng, tạo ra những tiền đề cơ bản về nhận thức và thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc, thể hiện tư tưởng cách mạng. Do vậy, quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ vừa tuân theo những nguyên tắc chung, phổ biến của quá trình nhận thức nhưng cũng có những điểm mới, phát triển tư duy lý luận, tạo ra đặc sắc của tư tưởng Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX.

Chuyển biến tư tưởng của nho sĩ đã góp phần khẳng định một tư tưởng hết sức quan trọng: muốn dân tộc độc lập, chấn hưng đất nước thì không thể không hội nhập với thế giới để học tập, tiếp thu tri thức nhân loại, từ đó làm giàu tri thức, vốn văn hoá của dân tộc mình. Chủ nghĩa yêu nước đã vượt qua được khuôn khổ và ý niệm truyền thống để trở thành ý thức dân tộc hiện đại, tiến bộ. Tư tưởng này đã làm mới hoàn toàn tư tưởng “vọng ngoại” vốn tồn tại với hàm ý không tốt trong lịch sử Việt Nam. Chuyển biến tư tưởng của nho sĩ góp phần xây dựng hình thức mới của chủ nghĩa dân tộc phương Đông trên cơ sở của nền kinh tế, văn hóa, chính trị. Nho sĩ đã nhận thức và phát huy vị trí, vai trò, sức mạnh của đoàn kết dân tộc trong thời đại mới.

Quá trình tiếp biến tư tưởng của nho sĩ đầu thế kỷ XX chứng minh một cách rõ ràng mối liên hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, tính chủ động sáng tạo của lý luận và tính phong phú, sinh động của thực tiễn. Các nho sĩ luôn kiên trì đổi mới tư tưởng, nhập thế hành động với vai trò người trí thức xã hội, đóng góp cho sự phát triển của tư tưởng và văn hoá dân tộc trên tinh thần của chủ nghĩa nhân văn, tinh thần nhân đạo cao cả. Đó là sự phát triển tiếp tục truyền thống đổi mới của lịch sử tư tưởng dân tộc, đã bước đầu đưa lịch sử tư tưởng Việt Nam sang một giai đoạn phát triển mới. Quá trình này như chặng trung gian, chuyển tiếp cần thiết giữa hai giai đoạn phát triển của ý thức hệ Việt Nam nhưng đều xoay quanh trục chính là chủ nghĩa yêu nước; đồng thời thể hiện năng lực tư duy, trình độ tư duy lý luận và khả năng “tự thức tỉnh”, “tự phê phán”, “tự đổi mới”, trình độ hoạt động thực tiễn của người Việt Nam, cụ thể là đội ngũ trí thức xã hội trước những vấn đề mới của thời đại.

Về thực tiễn xã hội: tư tưởng và hành động duy tân, cách mạng của nho sĩ có tác dụng thức tỉnh dân tộc, cách tân những nếp nghĩ, lối sống cổ hủ, lạc hậu, trì trệ của người Việt Nam. Hoạt động thực tiễn của họ đã giống hồi chuông cảnh báo sự cáo chung của chế độ phong kiến, thực dân, dẫn tới sự ra đời của chế độ dân chủ nhân dân vào năm 1945.

Nho sĩ rất tích cực chấn hưng, bồi dưỡng tinh thần yêu nước của nhân dân theo phương thức mới, nội dung mới. Họ là những tấm gương sáng, đã khơi dậy được tính tự giác đổi mới cho các tầng lớp nhân dân. Chủ trương đoàn kết nhân dân không phân biệt do các nho sĩ đẩy lên đều trên tinh thần cứu quốc để duy tân. Những hoạt động văn hóa, giáo dục của họ có tác

dụng khơi dậy phong trào học tập tri thức tiến bộ phương Tây, trang bị tri thức mới, trao sự hiểu biết cho nhân dân, thể hiện tinh thần tự cường, dũng cảm của dân tộc. Họ đã chứng minh rõ vai trò của văn hóa, giáo dục, đạo đức mới trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và chấn hưng đất nước. Họ là tấm gương sống động cho lớp lớp người Việt Nam về sống có lý tưởng, có ước mơ, có mục đích cao cả, có trách nhiệm, có bản phận, có dũng khí để cống hiến cho đất nước, cho dân tộc; là tấm gương cho toàn xã hội về sự hy sinh, xả thân vì độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Thế hệ người Việt Nam sau này cũng đã học tập và phát huy được giá trị cao cả đó.

### 3.3.2. Hạn chế

Hạn chế về mặt nhận thức: đội ngũ trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX, tiêu biểu là lớp nho sĩ với tư tưởng duy tân, đề cao tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, tư tưởng duy tân ấy không tạo ra được một hệ tư tưởng, một cơ sở triết học nhất quán, khoa học, triệt để.

Hạn chế này do các nguyên nhân: thứ nhất, nho sĩ chưa có đầy đủ công cụ của tư duy để nhận thức về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc cũng như chủ nghĩa xã hội, vì vậy dẫn đến hạn chế trong nhận thức về thời đại, về mâu thuẫn của thời đại. Thứ hai, bản thân các nho sĩ không có chiến lược duy tân với lộ trình, chương trình cụ thể, kết hợp với những khó khăn khách quan nên rất khó có cơ hội đạt tới đích cách mạng triệt để theo hướng hiện đại hóa. Thứ ba, các nho sĩ chưa thống nhất, thậm chí còn bất đồng quan điểm về phương thức duy tân, trong tổ chức đấu tranh chống thực dân, đế quốc làm cho các phong trào theo khuynh hướng bạo động hay ôn hòa đều bị chia rẽ, là điều kiện để triều đình phong kiến và thực dân Pháp đàn áp. Thứ tư, các nho sĩ dù đã chủ động tiếp biến tư tưởng phương Tây nhưng về cơ bản thế giới quan của họ là thế giới quan Nho giáo, phương pháp nhận thức của họ chủ yếu thông qua lý thuyết, tranh luận về lý luận, giá trị thực tiễn chưa cao. Phần lớn nho sĩ tiếp thu tư tưởng phương Tây không trực tiếp từ phương Tây, không trực tiếp từ các văn bản bằng các ngôn ngữ phương Tây, không trực tiếp chứng kiến thực tiễn xã hội phương Tây với những thành tựu và khiếm khuyết của nó nên tư tưởng duy tân thiếu tính khoa học, thiếu tính hệ thống và không toàn diện. Khi họ sử dụng các khái niệm, quan điểm ấy như vũ khí lý luận để chỉ đạo phong trào cách mạng chống Pháp, chống phong kiến thì hiệu quả không cao. Thứ năm, dân chủ hóa là một quá trình đòi hỏi phải có một cuộc vận động xã hội lâu dài với nhiều hình thức và nội dung, không phải là cái một sớm một chiều có thể thành hiện thực được, đặc biệt là trong hoàn cảnh đất nước không có chủ quyền, bị thực dân hóa như Việt Nam. Nho sĩ duy tân không nhận thức ra tính bất khả thi của cuộc vận động đòi tự do dân chủ theo đường lối ôn hòa. Do vậy, họ mới chỉ là lớp người đặt ra vấn đề cần giải quyết cho dân tộc Việt Nam chứ chưa tìm ra phương thức giải quyết vấn đề thỏa đáng. Thêm nữa, tính chiến đấu về tư tưởng của nho sĩ đối với phe bảo thủ, lạc hậu trong triều đình và thực dân chưa triệt để, đôi khi còn dẫn tới thái độ ôn hòa thiếu tích cực. Thứ sáu, nho sĩ coi quần chúng nhân dân là đối tượng để hiện thực hóa, xã hội hóa tư tưởng duy tân, là lực lượng hậu thuẫn chứ chưa phải là chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo của công cuộc duy tân, giải phóng dân tộc.

Nho sĩ tự trang bị cho mình tư tưởng dân chủ phương Tây nhưng trong giai đoạn ấy, tư tưởng tư sản tự nó không phát triển và trụ vững được trong kết cấu hệ tư tưởng Việt Nam vì nhiều lý do trong đó lý do chủ yếu là không có, không hội đủ điều kiện kinh tế, xã hội cho nó. Tuy nhiên, tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây qua sự tiếp biến của nho sĩ vẫn có giá trị, mang ý nghĩa tích cực nhất định đối với các dân tộc chưa trải qua hình thái kinh tế xã hội tư

bản chủ nghĩa như Việt Nam.

Hạn chế về mặt thực tiễn: Xã hội phong kiến nửa thuộc địa Việt Nam lạc hậu, dân trí thấp, bị áp bức, bóc lột nặng nề, mọi quyền của con người đều bị tước đoạt, không có điều khách quan và chủ quan để học thuyết mới được phổ biến rộng rãi, hạn chế ảnh hưởng của nho sĩ đối với xã hội. Nho sĩ tiếp biến tư tưởng dân chủ, văn minh phương Tây qua Tân thư, Tân văn, nhưng họ không đặt vấn đề dịch ra chữ quốc ngữ để phổ biến trong xã hội mà lại tìm cách chuyển tải tư tưởng qua văn phong của họ cho nên tư tưởng dân chủ, tư tưởng cách mạng phương Tây hình như chỉ là sản phẩm tinh thần của giới nho sĩ duy tân và số ít người trong xã hội mà thôi.

Phương pháp đấu tranh công khai hợp pháp đòi dân sinh, dân chủ là phương pháp khá xa lạ đối với truyền thống chống xâm lược bằng hình thức đấu tranh vũ trang của dân tộc. Nho sĩ duy tân đã nhiệt tình áp dụng phương pháp đấu tranh công khai coi nó như phương pháp chủ yếu để đấu tranh giành độc lập nhưng bản thân tư tưởng tự nó không thể thay đổi được hiện thực, tư tưởng phải được thâm nhập vào quần chúng mới trở thành sức mạnh vô địch.

### **Kết luận chương 3**

Chuyển biến trong nhận thức và hành động của nho sĩ đầu thế kỷ XX có mối liên hệ biện chứng với nhau. Quá trình này vốn có nguồn gốc từ thực tại khách quan, đồng thời tính tích cực, chủ động, sáng tạo của chủ thể đóng vai trò quan trọng. Chúng ta nhận thấy, khi thực tiễn đặt ra yêu cầu có tính cấp bách cần giải thích, giải quyết thì tính chân xác của lý luận được kiểm chứng bởi thực tiễn một cách nhanh nhất, từ đó tạo động lực cho lý luận tiếp tục phát triển ở trình độ cao hơn. Nho sĩ đã chủ động sử dụng nhiều phương thức hoạt động thực tiễn nhằm mục đích duy nhất là cứu nước, giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, văn minh. Hoạt động cải tạo xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX đã tạo ra các giá trị, nhưng cũng còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Quá trình chuyển biến tư tưởng và phương thức hoạt động thực tiễn của họ đã thực sự đóng vai trò là mắt khâu quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam và lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam.

## **KẾT LUẬN**

Xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX là một xã hội đầy biến động, hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội tồn tại gắn liền với nhau. Sự hiện diện của truyền thống tư tưởng, văn hoá dân tộc, trong đó nổi bật là tinh thần nhân ái, ý thức độc lập, tự cường và tình cảm cố kết cộng đồng, giữ vai trò quy định trực tiếp mọi quan hệ xã hội. Thời kỳ lịch sử đặc biệt này, sự tiếp nhận một cách sáng tạo những tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây được xem như một nhân tố cần thiết để phát triển đời sống tư tưởng của dân tộc.

Thế giới trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX đầy biến động, sự thay đổi thể chế chính trị, chuyển biến của cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam, hơn nữa, ý thức hệ phong kiến rơi vào khủng hoảng, bất lực trước thực tiễn, đã trở thành điều kiện thuận lợi cho các luồng tư tưởng dân chủ tư sản và cách mạng thế giới tác động vào Việt Nam. Cách mạng trên mọi lĩnh vực ở Việt Nam thời kỳ này không tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của cá nhân hay nhóm người nào, mà là một tất yếu của lịch sử, do yêu cầu học hỏi văn minh kỹ thuật, học tập cải cách, duy tân để tự cường bảo vệ độc lập dân tộc và phát triển. Trong giai đoạn này, nho sĩ là lớp người vẫn mang trọng trách tầng lớp trí thức xã hội, đã chủ động chuyển biến tư tưởng. Lớp nho sĩ với những đại biểu như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can... đã chủ động, tích cực đổi mới tư

tưởng và hoạt động thực tiễn. Tư tưởng của họ đã phát triển trong cuộc đấu tranh khá quyết liệt giữa hai luồng tư tưởng mới và cũ, giữa ý thức hệ phong kiến mà Nho giáo là đại diện và ý thức hệ mới mang khuynh hướng dân chủ tư sản phương Tây. Mặc dù cùng gốc là tư tưởng yêu nước, chống xâm lược nhưng mức độ tiếp thu ảnh hưởng tư tưởng mới của họ có độ sâu rộng, đậm nhạt khác nhau nhưng sự tiếp thu này đã đánh sự khủng hoảng ý thức hệ của nho sĩ đã có thể chấm dứt, một khuynh hướng tư tưởng mới đã ra đời, tư tưởng Việt Nam sang bước chuyển mới tích cực và tiến bộ.

Sự tiếp nhận các tư tưởng phương Đông hay phương Tây đã khơi nguồn cho tư tưởng Việt Nam và chúng trở thành một nhân tố đóng góp vào nội dung tư tưởng triết học dân tộc. Những nhân tố bên ngoài được đưa vào Việt Nam, nếu muốn phát huy được tác động của chúng đối với tư tưởng trong nước, bao giờ cũng phải thông qua sự "cho phép" của thực tiễn Việt Nam, của nhu cầu, lợi ích và mục đích xã hội của nhân dân một nước thuộc địa, phong kiến đang đấu tranh giải phóng. Những học thuyết dân chủ, những quan điểm đổi mới, cải lương xã hội từ "xứ người" đã được các nhà nho chuyển thành "của ta", của "quốc dân" mang tính dân tộc (độc lập, tự cường), tính xã hội (dân chủ, tiến bộ), tính quốc tế (chống chủ nghĩa thực dân, đề cao văn minh nhân loại). Đó là "Khuyên nhau lấy chữ đồng bào, lấy câu ích quốc, lấy điều lợi dân" làm nguyên tắc tư tưởng và mục tiêu hành động.

Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam 30 năm đầu thế kỷ XX thông qua tư tưởng của các đại biểu xuất sắc là một quá trình tiếp biến biện chứng, trong đó, xu hướng tiến bộ hơn, cách mạng hơn đi đến vị thế độc tôn trên mặt trận tư tưởng của dân tộc. Tuy nhiên, sự chuyển giao, tiếp nối đã diễn ra một cách tự giác, dung hợp trên nguyên tắc và mục tiêu vì độc lập dân tộc, dân chủ xã hội và nhân văn hoá con người. Sự thắng thế của lý luận chủ nghĩa Mác – Lê nin nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng là biểu hiện sinh động và thuyết phục về sự phát triển của tư tưởng ở nước ta. Đó là một bước chuyển về chất của đời sống ý thức xã hội Việt Nam. Đó cũng là quá trình tư tưởng Việt Nam chuyển đổi từng bước từ lập trường "quốc gia, dân tộc cổ truyền", "dân chủ tư sản" sang lập trường "cách mạng vô sản", là tư tưởng kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh. Trong mọi tiến trình phát triển, đặc biệt là tiến trình phát triển của tư tưởng, những "bước đệm", "những khúc quanh" luôn tồn tại và có ý nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận và đánh giá cách khách quan giá trị cũng như chỉ ra những hạn chế của chúng, từ đó tìm logic và tiến trình phát triển ở những giai đoạn tiếp theo, vì một Việt Nam độc lập, phát triển văn minh, thịnh vượng, giàu bản sắc.

## References

### TIẾNG VIỆT

1. Đỗ Bàn cùng nhiều tác giả (1999), *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn*, Nhà xuất bản Thuận Hóa.
2. Nguyễn Đức Bình (1997), "Nhiệm vụ trung tâm của công tác triết học hiện nay", *Tạp chí triết học*, tr. 7-11.
3. Boudarel (1997), *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông*, Nhà xuất bản văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 1*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)



5. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 2*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
6. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 3*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
7. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
8. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 5*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
9. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 6*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
10. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 7*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
11. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 8*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
12. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập, tập 9*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
13. Phan Bội Châu (2000), *Phan Bội Châu về một số vấn đề văn hóa – xã hội – chính trị*. Nhà xuất bản Thuận Hóa Huế. Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn)
14. Trương Văn Chung, Doãn Chính (đồng chủ biên) (2005), *Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Phan Đại Doãn (chủ biên) (1998), *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Đinh Dung (1997), “Thử tìm hiểu ảnh hưởng của Nho giáo trong đường lối ngoại giao của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ 20”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (6) 295, tr.73 -78.
17. Đinh Trần Dương, (2003), “Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ 20”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2) 327, tr. 65-71.
18. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (1997), *Phan Bội Châu con người và sự nghiệp*, Nhà xuất bản Hà Nội.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (1997), *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2004), *Đông Á, Đông Nam Á, những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
21. Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2006), *Tư tưởng triết học Việt Nam trong bối cảnh du nhập các tư tưởng Đông – Tây nửa đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục và công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
23. Maurice Durand (1993), *Hiểu biết về Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội
25. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác (2003), *Văn học Việt Nam (1900-1945)*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

26. Trần Hồng Đức (2006), *Các vị Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
27. Phạm Văn Đức (1991), “Vấn đề kế thừa và phát triển trong lịch sử triết học”, *Tạp chí triết học* (3), tr. 35-38.
28. Võ Nguyên Giáp (1998), “Cụ Phan Bội Châu là một đấng thiên sứ, một lãnh tụ cách mạng, một nhà văn hóa lớn”, *Tạp chí Xưa và Nay* (2), tr. 9-10.
29. Trần Văn Giàu (1983), *Tư tưởng yêu nước trong dòng chủ lưu của văn học Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
30. Trần Văn Giàu (1986), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Trần Văn Giàu (1997). *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám – Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử - Tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Trần Văn Giàu (1997). *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám – Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử - Tập 2*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Trần Văn Giàu (1997). *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám – Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử - Tập 3*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Trần Văn Giàu (2000), *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
35. Mai Thanh Hải (2001), Cụ Huỳnh Thúc Kháng – Bộ trưởng Nội vụ những ngày đầu cách mạng, *Báo Công an nhân dân cuối tuần - số 1167, ngày 18/8/2001*.
36. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1994), phân viện Hà Nội, *Tập bài giảng Lịch sử triết học*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (1998), *Đại cương Lịch sử Việt Nam – tập 3*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
38. Trần Hồng Hạnh (1995), “Bước đầu tìm hiểu một số đặc điểm của ý thức cộng đồng và ý thức độc lập, tự chủ trong lịch sử tư tưởng dân tộc”, *Tạp chí Triết học* (4), tr. 45-47
39. Nguyễn Hùng Hậu (2010), *Đại cương lịch sử triết học Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Nguyễn Thượng Hiền, (2004), *Tuyển tập thơ văn*, Nhà xuất bản Lao động, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây. Chương Thâu (sưu tầm và biên soạn)
41. Lý Tùng Hiếu (2005), *Lương Văn Can và phong trào Duy tân Đông du*, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn.
42. Nguyễn Văn Hoà (1998) – *Tư tưởng triết học và chính trị của Phan Bội Châu*, Luận án Tiến sĩ triết học, Viện Triết học, Hà Nội.
43. Nguyễn Văn Hoà (1999), “Quan niệm của Phan Bội Châu về bản tính con người”, *Tạp chí Triết học* (1), tr. 20 -22.
44. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Triết học Mác- Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
45. Nguyễn Văn Hồng (1994), “Tân thư, tân học - thời đại nhận thức lịch sử”, *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử* (4), tr. 62-68.
46. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

47. Đỗ Thị Hòa Hới (1996), *Tìm hiểu tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội
48. Đỗ Thị Hòa Hới (1997), “Mấy đặc điểm tư tưởng của các nhà Nho Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX qua cái nhìn phương Tây của họ”, *Tạp chí Triết học* (4).
49. Trần Đình Hượu (1987), “Tư tưởng dân chủ của các nhà Nho Duy tân đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Triết học* (2), tr. 79-95.
50. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng (1988), *Văn học Việt Nam giai đoạn thời 1900-1930*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
51. Trần Đình Hượu (1994), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nhà xuất bản Hà Nội, tr 250.
52. Trần Đình Hượu (1995), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung - cận đại*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
53. Trần Đình Hượu (2000), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. Đỗ Đức Hùng (1996), “Phan Chu Trinh với Nho giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, (4) 287, tr. 12-18.
55. Nguyễn Quốc Hùng (chủ biên) (2005), *Lịch sử Nhật Bản*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
56. Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
57. Đỗ Quang Hưng (1996), “Làn sóng tân thư Trung Hoa trong tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam thời cận đại”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (4) 287, tr. 69-74.
58. Đỗ Quang Hưng (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-1945*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
59. Kazuyoshi Ishida (1973), *Nhật Bản tư tưởng sử*, Bản dịch của Châm Vũ Nguyễn Văn Tần, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Tủ sách Kim Văn, Sài Gòn
60. Huỳnh Thúc Kháng (1965), *Thơ văn*, nhà xuất bản Văn học, Hà Nội . (Vương Đình Quang tuyển chọn)
61. Huỳnh Thúc Kháng (1989), *Thơ văn*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, (Chương Thâu biên soạn)
62. Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và thơ trả lời Kỳ ngoại hầu Cường Đế*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
63. Nguyễn Văn Khánh (1994), “Vài suy nghĩ về thể hệ thanh niên trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX (Điều kiện hình thành và đặc điểm)”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (5).
64. Nguyễn Văn Khánh (2000), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
65. Nguyễn Văn Khánh (2007), *Việt Nam 1919 - 1930: thời kỳ tìm tòi và định hướng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
66. Vũ Khiêu (chủ biên) (1991), *Nho giáo xưa và nay*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
67. Vũ Khiêu (1997), *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
68. Trần Trọng Kim (1992), *Nho giáo*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
69. Lê Thị Lan (2002), *Tư tưởng cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội
70. Đinh Xuân Lâm (1997), “Trách nhiệm triều Nguyễn trong sự thất bại của xu hướng đổi mới ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* (1), tr. 22-27.
71. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Hồng (1998), *Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam*,

Nhà xuất bản Thông tin, Hà Nội.

72. Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử cận – hiện đại Việt Nam, một số vấn đề nghiên cứu*, Nhà xuất bản Thế giới mới, Hà Nội.
73. Nguyễn Tiến Lực (1995), “Phong trào lưu học của thanh niên Việt Nam ở Nhật Bản (1905-1909)”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1) 278, tr. 19-29.
74. Nguyễn Tiến Lực (1995), “Một tư liệu quan trọng về phong trào Đông du ở Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (3) 280, tr. 82-83.
75. Nguyễn Tiến Lực (1996), “Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu ở Nhật Bản, tiếp xúc và ảnh hưởng”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2) 285, tr. 9-21.
76. Nguyễn Tiến Lực (1996), “Kashiwabara Buntaro với Phong trào Đông du của Việt Nam (1905-1909)”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (6) 289, tr. 68-78.
77. Nguyễn Tiến Lực (1997), “Nhận thức về Meiji Duy tân của các nhà tư tưởng Việt nam cuối thế kỷ XIX. trường hợp Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1) 290, tr. 76-80; (2) 291, tr. 59-63.
78. Nguyễn Tiến Lực (1998), “Các chí sĩ độc lập An Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1) 296, tr. 60 – 67.
79. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
80. Lương Chí Minh (1994), “Nghiên cứu, so sánh Phan Bội Châu với Phan Chu Trinh”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1) 272, tr. 81-89.
81. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2007), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
82. Nho giáo ở Việt Nam (2006), *Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Nho giáo do Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Harvard- Yenching Hoa Kỳ phối hợp tổ chức*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
83. Hữu Ngọc - Dương Phú Hiệp – Lê Hữu Tầng (1987), *Từ điển triết học giản yếu*, Nhà xuất bản Đại học trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
84. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
85. Phan Ngọc (2006), *Sự tiếp xúc văn hóa Việt Nam với Pháp*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin & Viện văn hóa
86. Nhiều tác giả (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nhà xuất bản Tri thức
87. Lê Văn Quán (1997), *Đại cương lịch sử tư tưởng Trung Quốc* - Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
88. Lê Văn Quán (2007), *Nguồn văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
89. Lê Văn Quán (2007), *Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam – tập 1*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
90. Lê Văn Quán (2008), *Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam – tập 2*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
91. Hồ Sỹ Quý (2007), *Con người và phát triển con người*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
92. J.-J.Rousseau (2004), *Bàn về kế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
93. M. Shiraiki (2000), *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á- 2 tập, người dịch Nguyễn Như Diệm, Trần Sơn, người hiệu đính Chương Thâu*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

94. Hồ Song (1997), “Sự chuyên hướng tư tưởng trong phong trào quốc gia dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ 20”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2) 291, tr. 16-31.
95. Hồ Song (1997), “Đông kinh nghĩa thực trong phong trào duy tân ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20” *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, (6) 295, tr 67-72, (1) 296, tr. 23-32.
96. Hồ Song (1999), “Vụ dân biến ở miền Trung Việt Nam vào đầu năm 1908”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2) 303, tr. 8-20.
97. Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân - Viện thông tin Khoa học xã hội – người dịch Nguyễn Như Diệm, Nguyễn Tu Tri, Hà Nội.*
98. Hà Văn Tấn (1984), “Mấy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam”, *Tạp chí Triết học* (47), tr 48-62.
99. Trần Đức Thảo (1995), *Lịch sử tư tưởng trước Mác*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
100. Phan Đăng Thanh (2006), *Tư tưởng lập hiến Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
101. Nguyễn Q. Thắng (1972), *Huỳnh Thúc Kháng – con người và thơ văn*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn
102. Nguyễn Q. Thắng (2001), *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.
103. Nguyễn Q. Thắng (2002), *Huỳnh Thúc Kháng – con người và thơ văn*, Nhà xuất bản Văn học.
104. Nguyễn Q. Thắng (2006), *Phong trào duy tân - các khuôn mặt tiêu biểu*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
105. Lê Sĩ Thắng (1976), Về tính giai cấp trong hệ tư tưởng của nhà Nho Việt Nam yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, *Tạp chí triết học* (4), tr 137-143.
106. Lê Sĩ Thắng (chủ biên) (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
107. Lê Sĩ Thắng (1997), “Ảnh hưởng của “Tân thư” trong tư tưởng Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh”, *Tạp chí Triết học* (1), tr. 26-30.
108. Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 2*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
109. Chương Thâu (1982), *Đông kinh nghĩa thực và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.
110. Chương Thâu (1989), *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
111. Chương Thâu (1989), “Ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp đối với một số nhà Nho Việt Nam yêu nước và tiến bộ đầu thế kỷ 20”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2) 245, tr. 79-86.
112. Chương Thâu (1991), “Nhật Bản cận đại”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (3) 256, tr. 86-87.
113. Chương Thâu (1995), “Tăng Bạt Hổ với phong trào Đông Du”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (5) 282, tr. 16-21.
114. Chương Thâu (1997), “Chính sách của thực dân Pháp đối với ảnh hưởng của Tân thư ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1) 290, tr. 7-10.
115. Chương Thâu (1997), “Đông Kinh Nghĩa Thực và phong trào nghĩa thực ở các địa phương”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (4) 293, tr. 11-16.
116. Chương Thâu, Trần Ngọc Vương (tuyển chọn và giới thiệu) (2006), *Phan Bội Châu – về tác giả và tác phẩm*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
117. Chương Thâu (2007), *Góp phần tìm hiểu Nho giáo, nho sĩ, trí thức Việt Nam trước năm*

1945, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin & Viện văn hóa.

118. Chương Thâu, Hồ Anh Hải (biên soạn) (2007), *Nguyễn Hữu Cầu chí sĩ yêu nước Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
119. Chương Thâu, Đào Duy Mẫn, Nguyễn Tiến Đoài, Phạm Bào (2008), *Đình nguyên Hoàng Giáp Đào Nguyên Phổ*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Hà Nội
120. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
121. Ngô Đức Thọ (chủ biên) (1993), *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075- 1919)*, Nhà xuất bản Văn học
122. Nguyễn Tài Thư (1984), “Mấy vấn đề lịch sử tư tưởng Việt Nam”, *Tạp chí Triết học* (4), tr. 13-26.
123. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
124. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1997), *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
125. Nguyễn Tài Thư (1997), *Nho học và Nho học ở Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
126. Nguyễn Tài Thư (1997), “Nho giáo triều Nguyễn – Nội dung, tính chất, vai trò lịch sử”, *Tạp chí Triết học* (4), tr. 42-59.
127. Tổng tập văn học Việt Nam - tập 21(1996), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
128. Phan Chu Trinh (1995), *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, (Nguyễn Văn Dương biên soạn)
129. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng. (Chương Thâu biên soạn)
130. Nguyễn Tùng (1997), “Nho sĩ Việt Nam trước cuộc xâm lược Pháp”, *Tạp chí Xưa và Nay* (44), tr. 23-24.
131. Nguyễn Quang Trung (1993), “Nhân sĩ Quảng Ngãi trong vụ kháng thuế 1908”, *Tạp chí nghiên cứu lịch sử* (5) 270, tr. 29-31.
132. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc (2002)– *Cách mạng Tân Hợi 90 năm sau nhìn lại (1919-2001)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
133. Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây (2005), *Phong trào Đông Du và Phan Bội Châu*, Nhà xuất bản Nghệ An.
134. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội khoa học Lịch sử (1997), *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Hà Nội
135. Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội
136. Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (1997), *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục*, nhà xuất bản Văn hóa
137. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (1997), *Lịch sử Triết học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
138. Fukuzawa Yukichi (2006), *Phúc ông tự truyện*, (người dịch Phạm Thu Giang), Nhà xuất bản Tri thức.
139. Fukuzawa Yukichi (2008) - *Khuyến học* - (người dịch Phạm Hữu Lợi), Nhà xuất bản Tri thức.

## **TIẾNG NƯỚC NGOÀI**

## Tiếng Anh

140. William J., Duiker (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam, 1900-1941*, Cornell University Press
141. Steinberg, David Joel (1987), *In Search of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu
142. Alexandre B., Woodside (1988), *Vietnam and the Chinese Model*, Harvard University Press, Cambridge (Massachusetts) and London

## Tài liệu từ mạng Internet

1. <http://wikipedia.org/wiki>: Từ điển bách khoa Wikipedia
2. <http://portail.atilf.fr/encyclopedie/index.htm>: Bách khoa toàn thư

## Tiếng Nhật

1. 石田 一良 (1963) 「日本思想史概論」 吉川弘文館  
Ishida.I (1963) “Nihon Shisou Shi Kairon” Yoshikawa Hirofumi Kan  
Ishida.I, 1963, Khái Luận Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, NXB Yoshikawa Hirofumi.
2. 鹿野 政直 (1999) 「近代日本思想案内」 岩波書店  
Kano. S (1999) “Kindai Nihon Shisou Annai” Iwanami Shoten  
Kano.S, 1999, Sách hướng dẫn lịch sử tư tưởng Nhật Bản hiện đại, Nhà sách Iwanami.
3. 荻部 直, 片岡かたお か龍りゆう (2008) 「日本思想史ハンドブック」 新書館  
Karibe.C, Kataoka.R (2008) “Nihon Shisou Shi Han do bukku”  
Shinshokan  
Karibe.C, Kataoka.R, 2008, Sổ tay Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, NXB Tân Thư Quán.
4. 佐藤 弘夫 (2005) 「概説 日本思想史」 ミネルヴァ書房  
Satou. H (2005) “Gaisetsu Nihon Shisou Shi” Mineruvu  
Shobo Satou.H, 2005, Khái quát lịch sử tư tưởng Nhật Bản”, Nhà sách Mineruvu.